TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC * - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
Số: **400**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC * - H

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Những người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Thị Quế L, sinh năm 1999, CCCD: 08319900****

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: 95/7A ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh B (nay là 95/7A ấp Q, xã G, tỉnh V)

- Anh Nguyễn Trần C, sinh năm 1996, CCCD: 00109600****

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Số 195 Đ, phường Đ, khu vực * - H, thành phố H (nay là 195 Đ, phường T, thành phố H)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quế L và anh Nguyễn Trần C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận H, thành phố H (nay là UBND phường H, H) ngày 29/10/2021 (Giấy chứng nhận kết hôn số **). Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên chị L và anh C cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực * - H công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trần Duy V, sinh ngày 21/7/2021. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh C cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng.

[3]. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị cùng trình bày không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

[5]. Về lệ phí: Anh C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quế L và anh Nguyễn Trần C.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trần Duy V, sinh ngày 21/7/2021. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh C cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nhà ở*: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- *Về công nợ chung:* Anh chị cùng trình bày không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Trần C tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0007942 ngày 17/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VSKND khu vực * - H;
- THADSTPHN;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Hiển Vinh